

Số: 95/2022/QĐST-HNGĐ

Thanh Ba, ngày 03 tháng 8 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 109/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2022 về tranh chấp hôn nhân gia đình giữa:

* *Nguyên đơn*: chị Bùi Thị V, sinh năm 1998

Địa chỉ: khu 1, xã K, huyện T, tỉnh P.

* *Bị đơn*: Anh Lê Hữu V, sinh năm 1987

Địa chỉ: khu 1, xã K, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

* *Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*:

- Bà Trần Thị N, sinh năm 1969

Địa chỉ: Khu 1, xã H, thị xã P, tỉnh P

- Ông Tạ Thái B, sinh năm 1966

Địa chỉ: Khu 9, xã K, huyện T, tỉnh P

- Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – Chi nhánh huyện T

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T, chức vụ: Tổng giám đốc Ngân hàng chính sách xã hội

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Dương Anh T, chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện T

Trụ sở giao dịch: Khu 4, thị trấn T, huyện T, tỉnh P

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 60, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Khoản 7 Điều 26; Điểm a Khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 7 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 7 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Do hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Bùi Thị V và anh Lê Hữu V.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: chị Bùi Thị V và anh Lê Hữu V thoả thuận thuận tình ly hôn

2.2. Về con chung: Chị Bùi Thị V trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Diễm M, sinh ngày 24/7/2020; Anh Lê Hữu V trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Kim C, sinh ngày 30/7/2018. Thời gian trực tiếp nuôi dưỡng kể từ ngày 27/7/2022 cho đến khi các con chung thành niên (đủ 18 tuổi), lao động tự túc được. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên kia.

Chị V và anh V đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

2.3. Về tài sản chung: Hai bên tự thoả thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

2.4. Về nợ chung:

Các bên tự thoả thuận và đề nghị Tòa án ghi nhận như sau:

Chị Bùi Thị V có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị N số tiền nợ là 10.000.000đ (mười triệu đồng chẵn), thời hạn trả nợ vào ngày 05/8/2022. Anh Lê Hữu V có nghĩa vụ trả nợ như sau: trả cho ông Tạ Thái B số tiền nợ là 10.000.000đ (Mười triệu đồng chẵn), thời hạn trả nợ vào ngày 05/8/2022; trả cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – Phòng giao dịch huyện T số tiền nợ gốc là 20.000.000đ (mười triệu đồng chẵn) và lãi phát sinh theo thoả thuận cho đến khi trả xong toàn bộ khoản nợ.

Khi Quyết định có hiệu lực pháp luật, bà N, ông B có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi thi hành án xong. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thoả thuận của các bên đương sự nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thoả thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Chị V và anh V không phải thanh toán cho nhau chênh lệch về nghĩa vụ tài sản.

2.5. Công sức đóng góp cho gia đình, ruộng đất nông nghiệp: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.6. *Về án phí:* Chị Bùi Thị V tự nguyện nhận nộp toàn bộ 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2020/0003428 ngày 08/6/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh P. Trả lại cho chị Bùi Thị V 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng chẵn) tiền tạm ứng án phí đã nộp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện T;
- UBND xã K;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Hà Thanh Loan